

**PHỤ LỤC 01. ĐIỂM TRÚNG TUYỂN CÁC NGÀNH HỌC BẠC ĐẠI HỌC THEO TỔ HỢP MÔN THI THPT QUỐC GIA
KỲ THI TUYỂN SINH ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY NĂM 2016**

(Kèm theo Biên bản số 2326/BB-DHLN-ĐT, ngày 12 tháng 8 năm 2016 của Chủ tịch HĐTS - Hiệu trưởng trường Đại học Lâm nghiệp)

TT	Tên ngành	Mã ngành	Điểm trúng tuyển các ngành học theo tổ hợp môn thi THPT quốc gia năm 2016											
			A00	A01	A02	B00	C00	C01	D01	D07	D08	D10	V00	H00
			Toán, Lý Hóa	Toán, Lý Anh	Toán, Sinh Lý	Toán, Sinh Hoá	Văn, Sử Địa	Toán, Văn Lý	Toán, Văn Anh	Toán, Hoá Anh	Toán, Sinh Anh	Toán, Địa Anh	Toán, Lý Vẽ MT	Văn, Vẽ HH, Vẽ TT
I. Cơ sở chính														
I.1. Đào tạo bằng tiếng Anh														
1	Quản lý tài nguyên thiên nhiên* (<i>Chương trình tiên tiến dạy bằng Tiếng Anh</i>)	D908532A	15,0			15,0				15,0		15,0		
2	Lâm nghiệp (đào tạo bằng tiếng Anh)	D620201A	15,0	15,0		15,0				15,0				
3	Công nghệ sinh học (Chương trình chất lượng cao, dạy bằng 50% tiếng Anh)	D420201A	15,0		15,0	15,0					15,0			
4	Kỹ thuật cơ khí (Công nghệ chế tạo máy) (Chương trình chất lượng cao, dạy bằng tiếng Anh)	D520103A	15,0	15,0				15,0	15,0					
5	Công nghệ chế biến lâm sản (Công nghệ gỗ) (Chương trình chất lượng cao, dạy bằng tiếng Anh)	D540301A	15,0	15,0		15,0						17,0		
I.2. Đào tạo bằng tiếng Việt														
1	Quản lý tài nguyên thiên nhiên (T. Việt)	D908532V	15,0			15,0				15,0		15,0		
2	Khoa học môi trường	D440301	15,0			15,0				15,0		15,0		
3	Quản lý tài nguyên và MT	D850101	15,0			15,0				15,0		15,0		
4	Quản lý tài nguyên rừng	D620211	15,0			15,0				15,0		15,0		
5	Bảo vệ thực vật	D620112	15,0	15,0		15,0				15,0				
6	Công nghệ sinh học	D420201	15,0		15,0	15,0					15,0			
7	Quản lý đất đai	D850103	15,0	15,0		15,0				15,0				
8	Kế toán	D340301	15,0	15,0						15,0	15,0			
9	Kinh tế	D310101	15,0	15,0						15,0	15,0			
10	Kinh tế Nông nghiệp	D620115	15,0	15,0						15,0	15,0			
11	Quản trị kinh doanh	D340101	15,0	15,0						15,0	15,0			
12	Hệ thống thông tin (Công nghệ thông tin)	D480104	15,0	15,0		15,0				15,0				
13	Công tác xã hội	D760101	15,0	15,0			15,0			15,0				
14	Lâm sinh	D620205	15,0	15,0		15,0				15,0				
15	Lâm nghiệp	D620201V	15,0	15,0		15,0				15,0				

TT	Tên ngành	Mã ngành	Điểm trúng tuyển các ngành học theo tổ hợp môn thi THPT quốc gia năm 2016											
			A00	A01	A02	B00	C00	C01	D01	D07	D08	D10	V00	H00
			Toán, Lý Hóa	Toán, Lý Anh	Toán, Sinh Lý	Toán, Sinh Hoá	Văn, Sử Địa	Toán, Văn Lý	Toán, Văn Anh	Toán, Hoá Anh	Toán, Sinh Anh	Toán, Địa Anh	Toán, Lý Vẽ MT	Văn, Vẽ HH, Vẽ TT
16	Khoa học cây trồng	D620110	15,0	15,0		15,0			15,0					
17	Khuyến nông	D620102	15,0	15,0		15,0			15,0					
18	Kỹ thuật công trình xây	D580201	15,0	15,0					15,0			17,0		
19	Công nghệ kỹ thuật ô tô	D510205	15,0	15,0				15,0	15,0					
20	Công nghệ kỹ thuật cơ điện	D510203	15,0	15,0				15,0	15,0					
21	Kỹ thuật cơ khí (Công nghệ chế tạo máy)	D520103	15,0	15,0				15,0	15,0					
22	Công thôn (Công nghiệp phát triển nông thôn)	D510210	15,0	15,0				15,0	15,0					
23	Thiết kế công nghiệp	D210402	15,0						15,0			17,0	15,0	
24	Thiết kế nội thất	D210405	15,0						15,0			17,0	15,0	
25	Kiến trúc cảnh quan	D580110	15,0						15,0			17,0	15,0	
26	Lâm nghiệp đô thị	D620202	15,0	15,0					15,0			17,0		
27	Công nghệ vật liệu	D515402	15,0	15,0		15,0			15,0					
28	Công nghệ chế biến lâm sản (Công nghệ gỗ)	D540301	15,0	15,0		15,0						17,0		
II. Cơ sở 2 - tỉnh Đồng Nai														
II.1. Bậc đại học														
1	Kế toán	D340301	15,0	15,0					15,0	15,0				
2	Công nghệ chế biến lâm sản (Công nghệ gỗ)	D540301	15,0	15,0		15,0						17,0		
3	Quản trị kinh doanh	D340101	15,0	15,0					15,0	15,0				
4	Quản lý tài nguyên rừng	D620211	15,0			15,0			15,0		15,0			
5	Quản lý đất đai	D850103	15,0	15,0		15,0			15,0					
6	Lâm sinh	D620201	15,0	15,0		15,0			15,0					
7	Khoa học môi trường	D440301	15,0			15,0			15,0		15,0			
8	Thiết kế nội thất	D210405	15,0						15,0			17,0	15,0	
9	Kiến trúc cảnh quan	D580110	15,0						15,0			17,0	15,0	
10	Công nghệ sinh học	D420201	15,0		15,0	15,0					15,0			
11	Kỹ thuật công trình xây	D580201	15,0	15,0					15,0			17,0		
12	Bảo vệ thực vật	D620112	15,0	15,0		15,0			15,0					
13	Khoa học cây trồng	D620110	15,0	15,0		15,0			15,0					
14	Quản lý tài nguyên và MT	D850101	15,0			15,0			15,0		15,0			

Ghi chú: Môn năng khiếu nhân hệ số 2 gồm các môn: Vẽ mỹ thuật (tổ hợp V00); Vẽ hình họa, Vẽ trang trí (tổ hợp khối H00).